



DAG
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Trụ sở chính: Lô 1, CNS Cụm CN Ngọc Hồi – Thanh Trì – Hà Nội

Văn phòng giao dịch: Tầng 6, Phòng 601, 535 Kim Mã – Hà Nội

Website: www.nhoadonga.com.vn/ www.dag.com.vn

Tel: 84.4 3 6891 888 * Fax: 84.43 8613 410

Tel: 84.4 3 7342 888 * Fax: 84.43 7710789

E-mail: info@nhuadonga.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
Quý I/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/03/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		193,566,005,610	142,958,691,581
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		359,618,335	1,161,620,183
1. Tiền	111	V.1	359,618,335	1,161,620,183
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176,191,895,920	115,654,569,379
1. Phải thu của khách hàng	131		69,300,696,025	54,445,655,069
2. Trả trước cho người bán	132		11,316,229,309	4,109,450,541
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.2	96,377,970,586	57,902,463,769
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(803,000,000)	(803,000,000)
IV. Hàng tồn kho	140		15,690,957,932	24,534,557,198
1. Hàng tồn kho	141	V.3	15,690,957,932	24,534,557,198
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,323,533,423	1,607,944,821
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		139,578,247	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.4	176,745,341	459,276,582
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,007,209,835	1,148,668,239
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		148,756,149,441	148,709,034,599
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16,332,446,615	16,332,446,615
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.5	16,332,446,615	16,332,446,615
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	210		45,749,621,992	45,566,284,983
1. TSCĐ hữu hình	221	V.6	3,290,051,531	3,369,679,450
- Nguyên giá	222		6,728,790,485	6,637,039,576
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3,438,738,954)	(3,267,360,126)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.7	99,631,420	119,397,691
- Nguyên giá	228		407,819,466	407,819,466
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(308,188,046)	(288,421,775)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.1	42,359,939,041	42,077,207,842
III. Bất động sản đầu tư	240		3,421,783,900	3,421,783,900
- Nguyên giá		V.8.2	3,421,783,900	3,421,783,900
- Giá trị hao mòn lũy kế			-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		82,244,752,693	82,244,752,693
1. Đầu tư vào Công ty con	251		82,244,752,693	82,244,752,693
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,007,544,241	1,143,766,408
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	837,734,241	973,956,408
3. Tài sản dài hạn khác	268		169,810,000	169,810,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		342,322,155,051	291,667,726,180

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG Á

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3689 1888 Fax: (04) 3686 1616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2011

Công ty mẹ

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

(tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/03/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		213,171,225,319	192,166,034,072
I. Nợ ngắn hạn	310		179,287,573,414	160,413,995,719
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.1	140,554,267,928	122,414,808,935
2. Phải trả người bán	312		10,379,285,056	16,676,565,790
3. Người mua trả tiền trước	313		9,823,172,520	9,577,943,700
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	863,804,330	655,804,195
5. Phải trả người lao động	315		301,174,408	327,037,965
6. Chi phí phải trả	316	V.12		63,785,477
7. Phải trả nội bộ	317			
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	17,659,924,652	10,698,049,657
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			(294,055,480)	
II. Nợ dài hạn	330		33,883,651,905	31,752,038,353
3. Phải trả dài hạn khác	333		30,000,000	30,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	17,379,859,502	15,355,591,218
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		16,473,792,403	16,366,447,135
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		129,150,929,732	99,501,692,108
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	129,150,929,732	99,501,692,108
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125,000,000,000	100,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4,050,000,000	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			842,747,818
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		100,929,732	(1,341,055,710)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		342,322,155,051	291,667,726,180

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG Á

Người lập biểu

Tổng giám đốc

Quoc
Trưởng Hồng Luân



Trần Thị Lê Hải

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG Á

Địa chỉ: KCN Ngọc Hồi - xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 3689 1888 Fax: (04) 3686 1616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2011

Công ty mẹ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 Năm 2011

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Quý 1 Năm 2011	Quý 1 Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VIII.1	26,683,911,077	8,396,301,762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		26,683,911,077	8,396,301,762
4. Giá vốn hàng bán	11		26,323,886,606	7,167,557,055
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		360,024,471	1,228,744,707
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		17,479,055,249	15,876,559,850
7. Chi phí tài chính	22		1,106,741,315	499,593,653
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		709,289,982	401,362,591
8. Chi phí bán hàng	24		299,573,505	896,092,352
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		555,948,521	629,021,003
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (24+25))	30		15,876,816,379	15,080,597,549
11. Thu nhập khác	31		5,906,217	150,881
12. Chi phí khác	32		34,136,468	12
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(28,230,251)	150,869
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15,848,586,128	15,080,748,418
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		15,848,586,128	15,080,748,418
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VT	1,267.9	1,508.1

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG Á

Tổng giám đốc

Người lập biểu

Quang
Trương Hồng Liên



Trần Thị Lê Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

<Theo phương pháp trực tiếp>

Quý 1 Năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 Năm 2011	Quý 1 Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		66 942 886 586	39 616 694 304
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(37 831 718 083)	(17 833 540 603)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(495 450 805)	(313 801 715)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(710 151 912)	(403 762 175)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3 850 068 133	8 780 389 003
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7 497 350 908)	(11 484 732 569)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24 258 283 011	18 361 246 245
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(73 766 689 619)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9 110 967	1 547 340
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(73 757 578 652)	1 547 340
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		29 050 000 000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		77 351 849 446	8 701 168 885
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(57 704 555 653)	(25 938 509 885)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		48 697 293 793	(17 237 341 000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		(802 001 848)	1 125 452 585
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1 161 620 183	159 952 827
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	VII.34	359 618 335	1 285 405 412

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG Á

Tổng giám đốc

CÓ PHÂN

TẬP ĐOÀN NHỰA

ĐỒNG Á

H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

Người lập biểu

Trương Hồng Liên

Trần Thị Lê Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 1 năm 2011**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đồng Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đồng Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV -ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV -ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đồng Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đồng Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 02 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 22/12/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 12/02/2007;

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong ngành xây dựng và trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất, ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Gia công cơ khí;
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường).

Trụ sở: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội
Tel: (04) 6891 888 Fax: (04) 6861 616

4. Các Công ty con

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ vốn góp	Địa chỉ	Số Giấy phép đăng ký kinh doanh
1	Công ty TNHH Nhựa Đồng Á	100%	Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam	0604000011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 13/02/2007
2	Công ty TNHH Một thành viên S.M.W	100%	Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội	0104000990 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/03/2007
3	Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đồng Á	100%	Lô số 36 - Đường Tân Tạo - Khu Công nghiệp Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh	4104001186 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/06/2007

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2011

(tiếp theo)

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính bằng phần mềm kế toán Effect. Đến thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính **số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng** do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Quang Trung có thời gian đáo hạn nhỏ hơn 3 tháng.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý 1 Năm 2011***(tiếp theo)***3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định****3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và phương pháp Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán tài sản cố định hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	3 - 7,5
Phương tiện vận tải	7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán Effect và phần mềm quản lý Việc ghi nhận và phương pháp Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ - BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao T <năm></i>
-----------------------------	---

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý 1 Năm 2011**

(tiếp theo)

Phần mềm kế toán Effect

4

Hệ thống quản lý ISO 9001

4

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là khoản tiền gửi ngắn hạn vào Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quang Trung.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh có thời hạn thu hồi trên một năm được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính đối với những khoản vay dùng cho mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với các khoản vay dài hạn dùng cho việc đầu tư xây dựng cơ bản Công ty hạch toán phí lãi vay của những khoản vay này vào giá trị công trình xây dựng cơ bản tương ứng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh ;

Chi phí sửa chữa TSCĐ phát sinh một lần quá lớn cần phải phân bổ cho nhiều kỳ kế toán;

Lãi tiền vay trả trước;

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được tính phân bổ dần vào chi phí kinh doanh.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí thực tế chưa được chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên hợp đồng đã ký.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 1 Năm 2011
(tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính đối với những khoản vay dùng cho mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với các khoản vay dài hạn dùng cho việc đầu tư xây dựng cơ bản Công ty hạch chi toán phí lãi vay của những khoản vay này vào giá trị công trình xây dựng cơ bản tương ứng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm nhựa như : tấm trần, các loại phào, nẹp, tấm cửa và khung bao; doanh thu sản phẩm nhựa UPVC, doanh thu từ tiền lãi tiền gửi và doanh thu khác.

Doanh thu bán vật tư, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2011

(tiếp theo)

13.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng. Đối với khách hàng lẻ bán hàng qua điện thoại căn cứ vào Phiếu xuất kho, Biên bản giao nhận và Hoá đơn bán hàng đã xuất để hạch toán.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chỉ, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty đã thực hiện đối chiếu các khoản công nợ phải thu, phải trả đến từng đối tượng. Tuy nhiên vẫn chưa thu hồi được đầy đủ các biên bản đối chiếu công nợ.

13.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đối với chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tài sản cố định mua sắm thì giá trị hạch toán là giá trị của tài sản mua vào theo hợp đồng, các chi phí có liên quan như chi phí thuế nhập khẩu (nếu có), chi phí vận chuyển và các chi phí khác.

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích kinh doanh, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

13.3 Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 01 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 01 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

13.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với các sản phẩm hàng hoá từ nhựa.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư bổ sung số 55/GP - UB ngày 13/06/2006 của UBND Thành phố Hà Nội và chứng nhận ưu đãi đầu tư số 39/GCNƯĐ ngày 30/03/2006 của chủ tịch UBND Tỉnh Hà Nam thì Công ty thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nhựa Đồng Á tại Cụm công nghiệp Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội và tại Hà Nam nên phần thu nhập từ hoạt động kinh doanh của hai dự án trên đang trong giai đoạn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Hai dự án trên hình thành nên hai công ty đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/04/2007 là Công ty TNHH Nhựa Đồng Á và Công ty TNHH Một thành viên SMW.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG Á

Địa chỉ: KCN Ngọc Hồi - xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 3689 1888 Fax: (04) 3686 1616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2011

Công ty mẹ

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2011

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
1.1 Tiền mặt tại quỹ	12,233,160	851,765
Tiền mặt VND	12,233,160	851,765
1.2 Tiền gửi Ngân hàng	347,385,175	1,160,768,418
Tổng cộng	359,618,335	1,161,620,183
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khác	96,377,970,586	57,902,463,769
Các công ty con thuộc tập đoàn	95,699,548,663	57,469,212,574
Công ty CP Tư vấn đầu tư Tây Đô		
Phải thu khác	678,421,923	433,251,195
Tổng cộng	96,377,970,586	57,902,463,769
3. Hàng tồn kho	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
CPSP dở dang	6,823,988,277	
Hàng hoá	8,866,969,655	21,291,515,821
Hàng mua đang đi đường		3,243,041,377
Cộng giá gốc hàng tồn kho	15,690,957,932	24,534,557,198
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	176,745,341	459,276,582
Thuế GTGT		-
Tổng cộng	176,745,341	459,276,582
5. Phải thu dài hạn khác	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu nội bộ tiền vốn	16,332,446,615	16,332,446,615
Tổng cộng	16,332,446,615	16,332,446,615
6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình		

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2011

(tiếp theo)

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2011	-	6,035,856,451	601,183,125	6,637,039,576
- Mua trong năm	-	-	91,750,909	91,750,909
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/03/2011	-	6,035,856,451	692,934,034	6,728,790,485
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2011	-	2,864,865,833	402,494,293	3,267,360,126
- Khấu hao trong năm	-	148,747,504	22,631,324	171,378,828
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/03/2011	-	3,013,613,337	425,125,617	3,438,738,954
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2011	-	3,170,990,618	198,688,832	3,369,679,450
Tại ngày 31/03/2011	-	3,022,243,114	267,808,417	3,290,051,531

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 626.962.160 đồng

7. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm tin học	Hệ thống quản lý chất lượng	Đơn vị tính: VND	
			Tổng cộng	
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2011	387,972,800	19,846,666	407,819,466	
- Mua trong năm	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	
Số dư ngày 31/03/2011	387,972,800	19,846,666	407,819,466	
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2011	270,642,436	17,779,339	288,421,775	
- Khấu hao trong năm	18,525,852	1,240,419	19,766,271	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	
Số dư ngày 31/03/2011	289,168,288	19,019,758	308,188,046	
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2011	117,330,364	2,067,327	119,397,691	
Tại ngày 31/03/2011	98,804,512	826,908	99,631,420	

8.1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/03/2011	01/01/2011
VND	VND

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG Á

Địa chỉ: KCN Ngọc Hồi - xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 3689 1888 Fax: (04) 3686 1616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2011

Công ty mẹ

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2011

(tiếp theo)

Mua sắm TSCĐ	1,329,219,054	1,329,219,054
Khu công nghiệp Ngọc Hồi - Dự án Công ty TNHH MTV SMW	1,792,522,400	1,792,522,400
Khu công nghiệp Hà Nam - Dự án Công ty TNHH Nhựa Đồng Á	-	-
Khu công nghiệp Tân Tạo - Dự án Công ty TNHH MTV Nhựa Đồng Á	39,238,197,587	38,955,466,388
Tổng cộng	42,359,939,041	42,077,207,842
8.2 Bất động sản đầu tư	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Dự án Văn Phòng cho thuê 1440m2 NHTT	3,421,783,900	3,421,783,900
Tổng cộng	3,421,783,900	3,421,783,900
Bất động sản đầu tư là Quyền sử dụng lô đất có diện tích 960m2 tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi với nguyên giá là: 3.421.783.900 VND được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm trong năm 2010 với mục đích chờ tăng giá.		
9. Chi phí trả trước dài hạn	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí chung của Văn phòng	837,734,241	973,956,408
Chi phí lãi vay trung hạn và dài hạn đầu tư xây dựng nhà xưởng	-	-
Chi phí khác	-	-
Tổng cộng	837,734,241	973,956,408
10. Các khoản vay và nợ ngắn hạn	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
10.1 Vay ngắn hạn	134,650,698,750	114,835,757,441
Vay ngân hàng		
Sở giao dịch ngân hàng ĐT&PT Việt Nam	-	-
VND	-	-
USD	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	105,608,213,820	89,986,632,125
VND	87,694,560,386	64,205,251,930
USD	17,913,653,434	25,781,380,195
Ngân hàng Tiên phong	14,965,686,435	13,322,005,786
VND	8,164,692,430	5,442,225,051
USD	6,800,994,005	7,879,780,735
Ngân hàng Á Châu	-	-
VND	-	-
USD	-	-
Ngân hàng Ngoại thương	14,076,798,495	11,527,119,530
VND	11,435,571,000	8,048,553,850
USD	2,641,227,495	3,478,565,680

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG Á

Địa chỉ: KCN Ngọc Hồi - xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 3689 1888 Fax: (04) 3686 1616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2011

Công ty mẹ

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2011

(tiếp theo)

10.2	Nợ dài hạn đến hạn trả	5,903,569,178	7,579,051,494
	Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	5,903,569,178	7,579,051,494
	Tổng cộng	140,554,267,928	122,414,808,935
11.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
		31/03/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Thuế GTGT	531,264,654	322,537,680
	Thuế GTGT hàng bán nội địa	450,058,653	297,449,231
	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	81,206,001	25,088,449
	Thuế xuất, nhập khẩu	144,864,881	188,857,441
	Thuế thu nhập cá nhân	187,674,795	144,409,074
	Tổng cộng	863,804,330	655,804,195
12.	Chi phí phải trả	31/03/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Trích trước tiền điện thoại Mobifone, VPP, tiền điện tháng 12	-	63,785,477
	Trích trước chi phí nhập khẩu lô hàng	-	-
	Chi phí khác	-	-
	Tổng cộng	-	63,785,477
13.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/03/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Các công ty thành viên thuộc tập đoàn	3,817,414,000	3,817,414,000
	Bảo hiểm xã hội, BHYT	36,507,091	40,614,626
	Trần Thị Lê Hải		2,400,000,000
	Công ty CP Tư vấn đầu tư Tây Đô		
	Bảo hiểm thất nghiệp	5,371,929	5,550,499
	Đối tượng khác	13,800,631,632	4,434,470,532
	Tổng cộng	17,659,924,652	10,698,049,657
14.	Vay và nợ dài hạn	31/03/2011	01/01/2011
		VND	VND
14.1	Vay dài hạn	13,403,873,592	13,403,873,592
	Vay ngân hàng		
	Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-
	VND	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2011

(tiếp theo)

USD			
Ngân hàng Á Châu	4,780,000,000		4,780,000,000
VND	4,780,000,000		4,780,000,000
Ngân hàng Quân đội	8,623,873,592		8,623,873,592
VND	-		8,623,873,592
USD	8,623,873,592		
14.2 Nợ dài hạn	3,975,985,910		1,951,717,626
Nợ dài hạn	3,975,985,910		1,951,717,626
Tổng cộng	17,379,859,502		15,355,591,218

(*) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số SHN.02141207/02TDDN giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở Giao dịch Hà Nội ngày 31/12/2007 với thời hạn vay 60 tháng (trong đó thời gian ân hạn là 12 tháng, thời gian trả nợ gốc là 48 tháng, thời gian trả lãi vay là 60 tháng) kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất vay 0,99%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng:

+ Quyền sử dụng đất thuê (trả tiền một lần) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (hình thành trong tương lai) tại lô số 36, đường Tân Tạo, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích là 6.573,43 m² với thời hạn thuê là 43 năm (tính đến tháng 08/2050) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đồng Á trị giá 23.307.000.000 VND;

+ Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai là hệ thống các máy cắt, máy hàn, máy cưa, dây chuyền sản xuất kính hộp và các máy móc khác thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đồng Á trị giá 2.000.000.000 VND.

(**) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 113.09.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 24/11/2009. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 13/01/2013 với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Hợp đồng tín dụng số 203.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 20/08/2010. Số tiền vay theo hợp đồng là 169.330 USD, gốc thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho chậm luân chuyển trị giá 70.000.000.000 VND và hai (02) dây chuyền máy đùn thanh Profile theo hợp đồng ngoại thương số DA-DONGXU 10.01 ngày 20 tháng 05 năm 2010.

- Theo Hợp đồng tín dụng số 284.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 22/10/2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (ngày 28/10/2015) với lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân 6,8%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống nhà xưởng, máy móc, hàng tồn kho luân chuyển và máy móc thiết bị với tổng trị giá là 132.375.000.000 VND.

(***) Hợp đồng Thuê tài chính giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 28/05/2010, tổng giá trị 157.872 USD, thời hạn thuê là 50 tháng, lãi suất cho thuê bằng lãi suất cơ bản do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 0,25%/tháng. Tài sản thuê tài chính là Dây chuyền sản xuất của hợp kim nhôm vach dụng đã được Công ty chuyển giao cho Công ty con là Công ty TNHH Smartwidow Việt Nam.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG Á

Địa chỉ: KCN Ngọc Hồi - xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 3689 1888 Fax: (04) 3686 1616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2011

Công ty mẹ

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2011

(tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	31/03/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Hùng Phát	31,812,000,000	28,920,000,000
Nguyễn Bá Hùng	40,067,500,000	36,425,000,000
Nguyễn Thị Tinh	165,000,000	150,000,000
Việt Nam Growth Capital L.L.C	5,000,000,000	5,000,000,000
Công ty Tam Sơn	12,500,000,000	
Các cổ đông khác	35,455,500,000	29,505,000,000
Tổng cộng	125,000,000,000	100,000,000,000

VI. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 1 Năm 2011	Quý 1 Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15,848,586,128	15,080,748,418
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15,848,586,128	15,080,748,418
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12,500,000	10,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,267.89	1,508.07

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Theo BCTC quý 1/2010	Số liệu quý 1/2010 được trình bày lại	Chênh lệch
6. Doanh thu hoạt động tài chính (i)	21	10,650,629	15,876,559,850	15,865,909,221

(i) Điều chỉnh hồi tố đối với chính sách kế toán ghi nhận doanh thu hoạt động đầu tư vào Công ty con: Trong quý 1/2010, Công ty đã phản ánh khoản lãi từ đầu tư Công ty con vào Tài khoản 421-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối mà không phản ánh qua kết quả kinh doanh; năm 2009 Công ty ghi nhận khoản Doanh thu hoạt động tài chính này trên Báo cáo kết quả kinh doanh phù hợp với quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh, phân loại lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010 và tin tưởng việc điều chỉnh, phân loại lại đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp điều chỉnh, phân loại lại sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

VII. Những thông tin khác

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG Á

Địa chỉ: KCN Ngọc Hồi - xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 3689 1888 Fax: (04) 3686 1616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2011

Công ty mẹ

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2011

(tiếp theo)

1. Thông tin về các bên liên quan**1.1 Giao dịch với các bên liên quan:**

	Quan hệ với Công ty	Quý 1 Năm 2011	Quý 1 Năm 2010
		VND	VND
Doanh thu			
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phá	cổ đông sáng lập	26,683,911,077	8,396,301,762
Công ty TNHH Một thành viên S.M.W	Công ty con	2,231,675,000	6,045,206,461
Công ty TNHH Nhựa Đồng Á	Công ty con	1,034,863,658	
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đồng Á	Công ty con	8,584,913,723	2,351,095,301
Đối tượng khác		-	
		14,832,458,696	-
Mua hàng			
Công ty TNHH Một thành viên S.M.W	Công ty con	6,823,988,277	7,506,387,105
Công ty TNHH Nhựa Đồng Á	Công ty con	1,836,715,590	2,020,387,149
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phá	cổ đông sáng lập		-

1.2 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Quý 1 Năm 2011	Quý 1 Năm 2010
		VND	VND
Các khoản phải thu			
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phá	cổ đông sáng lập	2,454,842,500	6,301,708,882
Công ty TNHH Một thành viên S.M.W	Công ty con	10,298,286,988	4,277,200,003
Công ty TNHH Nhựa Đồng Á	Công ty con	13,261,012,900	2,627,205,675
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đồng Á	Công ty con	153,382,758	153,382,758

Các khoản phải trả

Công ty TNHH Một thành viên S.M.W	Công ty con	2,611,806,656	5,516,185,286
Công ty TNHH Nhựa Đồng Á	Công ty con	2,020,387,149	12,856,588,588
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đồng Á	Công ty con		860,783,647
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phá	cổ đông sáng lập		

2. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế (IFC).

Người lập biểu

Trương Hồng Liên



Trần Thị Lê Hân